

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 8 - 2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Đôi;
2. Ông Phạm Văn Kho;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phong, là Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Uy, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2017/TLST HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng: Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Tuấn A, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng: Đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 - 5 - 2017; bản tự khai; biên bản ghi lời khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn (chị L) trình bày:

Tôi xây dựng gia đình với anh Vũ Tuấn A trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 19/3/2003.

Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2004 thì tôi phát hiện ra anh A sử dụng ma túy, tôi đã khuyên can và anh A hứa sẽ không sử dụng ma túy. Đến sau khi sinh cháu thứ hai do sử dụng ma túy, anh A bị bắt đi tập trung cai nghiện ma túy. Trong thời gian anh A cai nghiện ma túy tôi vẫn thăm nom, gặp gỡ động viên. Sau khi hết thời gian cai nghiện trở về đến lúc tôi đang có thai cháu

thứ ba thì anh A lại tiếp tục sử dụng ma túy. Tôi và gia đình đã khuyên can nhưng không có kết quả. Do sử dụng ma túy anh A không quan tâm, trách nhiệm, chăm sóc vợ con; mọi việc trong nhà đều do một mình tôi chạy chợ để lo toan nuôi dạy các con. Cũng do sử dụng ma túy vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, có lần anh A đã chặn đường lúc tôi đi chợ về để đòi tiền đi sử dụng ma túy, tôi không đưa thì đánh tôi. Năm 2010 anh A bị bắt và xét xử về tội ma túy; sau khi hết hạn tù chúng tôi tiếp tục chung sống với nhau nhưng không có một ngày hạnh phúc, nguyên nhân do anh A vẫn sử dụng ma túy. Do không thể chịu đựng được nữa, nên chúng tôi đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi; anh A đã về nhà bố mẹ đẻ ở (chúng tôi ở cùng mẹ đẻ tôi tại thôn Đ, xã T) không còn quan hệ gì với nhau. Đến năm 2014, anh A tiếp tục vi phạm pháp luật và bị Tòa án phạt 30 tháng tù (tôi chỉ nghe mọi người nói lại). Trong thời gian chung sống, tôi đã khuyên can, tạo rất nhiều cơ hội để anh sửa chữa sai lầm cùng tôi lo toan gia đình, nuôi dạy các con nhưng không có kết quả. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, tôi xin được ly hôn anh A.

- Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là Vũ Thị P, sinh ngày 30/01/2004; Vũ Tuấn T, sinh ngày 27/11/2005 và Vũ Thị N, sinh ngày 25/11/2007; hiện đang do tôi nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, tôi xin được tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; vì anh A sử dụng ma túy, không có nghề nghiệp còn tôi có điều kiện về nơi ở và thu nhập ổn định. Việc cấp dưỡng nuôi con, tôi có điều kiện về kinh tế, chỗ ở nên tôi không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Tôi và anh A không có, nên không yêu cầu Tòa án xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh A đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được nhận các văn bản của Tòa án giao theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ kiện đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng; về phía bị đơn, kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng (không đến Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định).

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh A.

Về con chung: Giao cháu Vũ Thị P, sinh ngày 30/01/2004; Vũ Tuấn T, sinh ngày 27/11/2005 và Vũ Thị N, sinh ngày 25/11/2007 cho chị L nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu anh A phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị L trình bày không có, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh A theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh A tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 19/3/2003.

Sau khi xây dựng gia đình, hai bên chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh A sử dụng ma túy, không có trách nhiệm gì đến gia đình, vợ con. Mặc dù chị L, gia đình khuyên can rất nhiều lần và anh A cũng đã bị bắt đi cai nghiện bắt buộc nhưng không có kết quả; dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Cũng do sử dụng ma túy anh A đã hai lần vi phạm pháp luật và bị kết án vào năm 2010, 2014; chị L và anh A đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2013 đến nay, giữa hai bên không còn quan hệ với nhau về tình cảm, kinh tế.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng không hàn gắn được, cuộc sống chung giữa hai bên không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt; nay chị L có đơn xin ly hôn anh A là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh A có 03 con chung là Vũ Thị P, sinh ngày 30/01/2004; Vũ Tuấn T, sinh ngày 27/11/2005 và Vũ Thị N, sinh ngày 25/11/2007; các cháu đều đang ở với chị L. Nay ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến đủ 18 tuổi, điều này phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với thực tế cũng như ý kiến đề nghị của chính quyền địa phương và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; căn cứ khoản 1 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần tiếp tục giao các cháu P, cháu T, cháu N cho chị L nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con nên chị không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau này hai bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị L trình bày không có, nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xét giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Tuấn A

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Vũ Thị P, sinh ngày 30/01/2004; Vũ Tuấn T, sinh ngày 27/11/2005 và Vũ Thị N, sinh ngày 25/11/2007 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0006070 ngày 07/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- TANDTP Hải Phòng;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc